

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST

Ngày: 17 - 8 - 2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mười**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Bi**

2. Ông **Đặng Văn Núi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp “ *Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST- KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Q.;

Địa chỉ: số 40, Hùng V., phường A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Bùi Thị N.** – Trưởng phòng thẩm định - tín dụng Công ty Q.; Trú tại: 67A - Hoàng V. - phường B - thành phố Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 05/5/2017).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) C;

Địa chỉ: ấp Tân P., xã Phú Th., huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Minh Th.** - Sinh năm: 1958; Trú tại: ấp Thanh Th1 - xã Đồng S.- huyện Gò Công Tây - tỉnh Tiền Giang; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Phú Đông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Minh Th.** – sinh năm 1958

- Bà Nguyễn Thị Bích L. – sinh năm 1959
- Ông Nguyễn Minh T1 – sinh năm 1978
- Anh Nguyễn Minh H. – sinh năm 1982
- Cụ Lương Thị Ch. - sinh năm 1931
- Ông Nguyễn Hoàng T2. – sinh năm 1954
- Bà Nguyễn Thị Bích Th1 – sinh năm 1956
- Ông Nguyễn Quang Tr. – sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

- Bà Nguyễn Thị E. - sinh năm 1953
- Ông Nguyễn Bá Nh. - sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: số 122/38/14 Tôn Đ., phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Thiện T3 - sinh năm 1967

Địa chỉ: số 50/27/15 Nguyễn Quý Y., phường An L., quận Bình T4, thành phố Hồ Chí Minh

(Tại phiên tòa có mặt chị Bùi Thị N., ông Nguyễn Hoàng T2; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Bùi Thị N. là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Q. trình bày:**

Công ty Q. có ký hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD ngày 19/12/2013 cho Công ty TNHH MTV C vay số tiền 5.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8,4%/năm, lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay 4,5 năm; trả lãi hàng tháng, vốn trả 03 tháng một lần vào ngày 25 của tháng thứ 3, mục đích sử dụng tiền vay để đóng mới phà phục vụ vận chuyển hành khách tại Bến phà Tân L1 - huyện Tân Phú Đông.

Tài sản đảm bảo tiền vay cho Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD ngày 19/12/2013 là:

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 05/2013/HĐTC ngày 19/12/2013: theo đó chiếc phà khách/SMR-1335PH đóng mới, trọng tải 102,04 tấn là tài sản hình thành từ vốn vay được dùng làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ;

- Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 06/2013/HĐBL ngày 19/12/2013, tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của Công ty TNHH MTV C gồm:

+ Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Th. theo GCNSDD số U 938792 (có số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00250 QSDĐ/2612/QĐUB(H)02) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 9/9/2003 cho hộ ông Nguyễn Minh Th. với diện tích 158,7 m² ; đất tọa lạc ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sở hữu nhà của ông Nguyễn Minh Th. theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 03/NĐ do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 29/12/2004, diện tích sử dụng 81m², diện tích xây dựng 81m² ; tọa lạc tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

- Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 07/2013/HĐBL ngày 19/12/2013, tài sản thế chấp của bà Lương Thị Ch. để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của Công ty TNHH MTV C gồm:

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr1. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741767 (số vào sổ: H00986) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 1.015,4m² tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr1. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741768 (số vào sổ: H00991) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 250,2m² tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr1. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741769 (số vào sổ: H00990) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 3.519m² tại ấp Thạnh Th., xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr1. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741770 (số vào sổ: H00989) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 1.485,7m² tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr1. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741771 (số vào sổ: H00992) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 2.751,1m² tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741772 (số vào sổ: H00993) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 3.449,9m² tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S. huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr1. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741774 (số vào sổ: H00995) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 253,3m² tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr1. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741775 (số vào sổ: H00988) do UBND

huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 2.962,9m² tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sử dụng đất của bà Lương Thị Ch. và ông Nguyễn Văn Tr1. theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 741776 (số vào sổ: H00987) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008, với diện tích 2781m² tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

Sau khi vay Công ty TNHH C có trả vốn gốc được một lần số tiền là 166.667.000đ vào ngày 15/8/2014 và trả lãi phát sinh nhiều đợt được tổng cộng là 200.000.000đ.

Theo Biên bản làm việc ngày 13/6/2016 giữa Quỹ đầu tư phát triển với Công ty TNHH MTV C, trong đó Quỹ đề nghị Công ty có biện pháp trả nợ quá hạn chậm nhất là ngày 15/8/2016. Sau đó Công ty TNHH MTV Tâm Phú Đông có đề nghị xem xét gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 31/12/2016 và đã được Quỹ chấp thuận với điều kiện nếu sau ngày 31/12/2016 Công ty không đến làm việc với Quỹ và chưa thực hiện việc trả nợ thì Quỹ khởi kiện ra Tòa án. Đến nay Công ty TNHH MTV C vẫn chưa trả được khoản nợ quá hạn.

Nay Công ty Q. yêu cầu Công ty TNHH MTV C trả cho Công ty Q. số tiền nợ gốc 4.833.333.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/5/2017 là 1.093.373.000 đồng, tổng cộng là 5.926.706.000 đồng. Thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty TNHH MTV C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty Q. theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 05/2013/HĐTC ngày 19/12/2013 và Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 06/2013/HĐBL ngày 19/12/2013.

Công ty Q. xin rút lại yêu cầu đề nghị xử lý tài sản bảo lãnh của bà Lương Thị Ch. theo Hợp đồng bảo lãnh số 07/2013/HĐBL ngày 19/12/2013, nếu có yêu cầu Công ty Q. sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

*** Quá trình tố tụng ông Nguyễn Minh Th. là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH MTV C trình bày:**

Ông Th. thừa nhận Công ty TNHH MTV C do ông làm Giám đốc có vay của Công ty Q. số tiền 5.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD ngày 19/12/2013 và có thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 05/2013/HĐTC ngày 19/12/2013; Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 06/2013/HĐBL và 07/2013/HĐBL cùng ngày 19/12/2013 như nguyên đơn trình bày.

Do Công ty làm ăn thua lỗ nên hiện còn nợ Công ty Q. số tiền vốn lãi đúng như đại diện ủy quyền của Công ty Q. trình bày là 5.926.706.000đ. Nay ông Th. đại diện cho Công ty TNHH MTV C đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Công ty Q., nhưng do Công ty không còn hoạt động nên xin mỗi tháng trả 30.000.000đ cho đến khi hết nợ; nếu Quỹ đầu tư không đồng ý thì xin phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T2 trình bày:**

Ông Tăng là con của bà Ch. và ông Tr1. Ông T2. không có ý kiến về việc vay tiền của Công ty TNHH MTV C. Trường hợp nếu có xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì yêu cầu xử lý tài sản của ông Th. để trả nợ, không được xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba là tài sản của ông Tr1 và bà Ch. vì khi ông Th. và bà Ch. ký thế chấp gia đình không ai biết.

*** Quá trình tố tụng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Bích L., ông Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Minh H., bà Lương Thị Ch., bà Nguyễn Thị Bích Th1, ông Nguyễn Quang Tr., bà Nguyễn Thị E., ông Nguyễn Bá Nh., ông Nguyễn Thiện T3:** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự hòa giải và cũng không đến dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Bích L., ông Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Minh H., cụ Lương Thị Ch., bà Nguyễn Thị Bích Th1, ông Nguyễn Quang Tr., bà Nguyễn Thị E., ông Nguyễn Bá Nh., ông Nguyễn Thiện T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L., ông T1, anh H., cụ Ch., bà Th1., ông Tr, bà E., ông Nh., ông T3 theo quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Q. yêu cầu Công ty TNHH MTV C trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó đây là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Q. về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV C trả số tiền vốn vay còn nợ tổng cộng là 5.926.706.000đ (trong đó vốn là 4.833.333.000 đồng, lãi tính đến ngày 15/5/2017 là 1.093.373.000 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD ngày 19/12/2013 thì Công ty Q. có cho Công ty C vay số tiền 5.000.000.000 đồng, lãi suất 8,4%/năm, thời hạn vay 4,5 năm; trả lãi hàng tháng, vốn trả 03 tháng một lần vào ngày 25 của tháng thứ 3.

Ông Nguyễn Minh Th. là Giám đốc Công ty TNHH MTV C thừa nhận có vay của Công ty Q. số tiền 5.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD ngày 19/12/2013 để đóng mới phà phục vụ vận chuyển hành khách tại Bến phà Tân L1 - huyện Tân Phú Đông. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, do làm ăn thua lỗ dẫn đến Công ty không còn hoạt động nên ông thực hiện việc trả nợ cho Công ty Q. không đầy đủ. Hiện nay Công ty TNHH MTV C còn nợ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang tổng cộng là 5.926.706.000 đồng, trong đó

nợ gốc 4.833.333.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/5/2017 là 1.093.373.000 đồng và đồng ý trả số nợ này; nên yêu cầu khởi kiện của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, chị N. là đại diện theo ủy quyền của Công ty Q. không yêu cầu Công ty TNHH MTV C có trách nhiệm trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD ngày 19/12/2013, thời gian từ ngày 15/5/2017 đến khi Công ty trả hết khoản nợ vay, lý do Quỹ đầu tư đã khoan lãi cho công ty TNHH MTV C vào ngày 15/5/2017 nên không yêu cầu trả lãi thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của Công ty Q.

Về thời gian trả: Công ty Q. yêu cầu Công ty TNHH MTV C trả số tiền nợ 5.926.706.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Th. trình bày do làm ăn thua lỗ nên xin được trả mỗi tháng 30.000.000đ cho đến khi hết nợ. Xét thấy, thời gian vay đến nay đã lâu, Công ty Q. cũng đã nhiều lần tạo điều kiện cho Công ty TNHH MTV C, nhưng phía công ty vẫn không thực hiện, để kéo dài cho đến nay. Nên yêu cầu của Công ty Q. là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của Công ty Q. về việc: trường hợp Công ty TNHH MTV C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 05/2013/HĐTC ngày 19/12/2013 và Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 06/2013/HĐBL ngày 19/12/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 05/2013/HĐTC ngày 19/12/2013: theo đó chiếc phà khách/SMR-1335PH đóng mới, trọng tải 102,04 tấn là tài sản hình thành từ vốn vay được dùng làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Hợp đồng có chữ ký của bên thế chấp và bên nhận thế chấp; được Công chứng viên của Phòng Công chứng Gò Công chứng nhận nên đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 06/2013/HĐTC ngày 19/12/2013, tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của Công ty TNHH MTV C gồm:

+ Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Th. theo GCNSĐĐ số U 938792 (có số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00250 QSDĐ/2612/QĐUB(H)02) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 9/9/2003 cho hộ ông Nguyễn Minh Th. với diện tích 158,7 m²; đất tọa lạc ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sở hữu nhà của ông Nguyễn Minh Th. theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 03/NĐ do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 29/12/2004, diện tích sử dụng 81m², diện tích xây dựng 81m²; tọa lạc tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Hợp đồng có chữ ký của bên thế chấp và bên nhận thế chấp; được Công chứng viên của Phòng Công chứng Gò Công chứng nhận và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Gò Công Tây ngày 23/12/2013 nên đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật dân sự.

Do vậy, yêu cầu của Công ty Q. về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 05/2013/HĐTC ngày 19/12/2013 và Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 06/2013/HĐBL ngày 19/12/2013 là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, chị N. đại diện theo ủy quyền của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số 07/2013/HĐBL ngày 19/12/2013. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty Q. được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH MTV C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng xét thấy, ông Th. có đơn xin giảm án phí do Công ty TNHH C không còn hoạt động, dẫn đến không có khả năng để nộp án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương, nên Hội đồng xét xử xét giảm cho Công ty TNHH MTV C 50% án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 323, 342, 343, 355 Bộ Luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C do ông Nguyễn Minh Th. làm giám đốc có trách nhiệm trả cho Công ty Q. số tiền vay còn nợ tổng cộng là 5.926.706.000 đồng (*Năm tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng*). Trong đó vốn là 4.833.333.000 đồng (*Bốn tỷ tám trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng*) và lãi là 1.093.373.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi ba triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn đồng*).

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Q. về việc không yêu cầu Công ty TNHH MTV C trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD ngày 19/12/2013, thời gian từ ngày 15/5/2017 đến khi Công ty TNHH MTV C thi hành án xong khoản nợ vay.

Kể từ khi Quỹ đầu tư có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH MTV C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Chiếc phà khách/SMR-1335PH đóng mới, trọng tải 99 tấn, tên phương tiện TG 13341, số đăng ký TG 13341, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang cấp

Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 12251/ĐK cho Công ty TNHH MTV C ngày 18/3/2014;

+ Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Th. theo GCNSDD số U 938792 (có số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00250 QSDĐ/2612/QĐUB(H)02) do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 9/9/2003 cho hộ ông Nguyễn Minh Th. với diện tích 158,7 m² ; đất tọa lạc ấp Thạnh Th1, xã Đồng S. huyện Gò Công Tây, Tiền Giang;

+ Quyền sở hữu nhà của ông Nguyễn Minh Th. theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 03/NĐ do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 29/12/2004, diện tích sử dụng 81 m², diện tích xây dựng 81 m² ; tọa lạc tại ấp Thạnh Th1, xã Đồng S., huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 05/2013/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 06/2013/HĐBL ngày 19/12/2013 để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty Q. không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang 56.880.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 48473 ngày 07/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

- Công ty TNHH MTV C phải nộp 56.963.353 đồng (*Năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi ba đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Mười

